

Bản án số: **502/2023/HSPT**

Ngày 25 - 12- 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Bà Lê Thị Ký

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử trực tuyến công khai tại hai điểm cầu (Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh D) phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 418/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Huỳnh Thanh H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 465/2023/HSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 499/2023/QĐXX - PTHS ngày 07/12/2023.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Huỳnh Thanh H; sinh năm 1980, tại tỉnh Kon Tum; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nơi ở hiện nay: tổ F, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Huỳnh H1, sinh năm 1931 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1941 (đã chết); Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 7. Sống chung với chị Ngũ Thị Ngọc T, sinh năm 1978 và chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/10/1998 bị Toà án nhân dân thị xã Kon Tum xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Bị cáo chấp hành xong hình bản án ngày 30/5/1999.

Ngày 10/01/2006 bị Toà án nhân dân thị xã Kon Tum xử phạt 05 năm tù giam về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Bị cáo chấp hành xong hình bản án ngày 04/02/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/4/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 545 ngày 06/5/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. (Bị cáo có mặt)

Trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính: Huỳnh Thanh H và anh Ngô Trường T1, sinh năm 1997, ngụ tại 70LT5, đường N, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội. Do H làm ăn thua lỗ nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô biển số: 60A-802.12, màu trắng của anh Ngô Trường T1 với thủ đoạn gian dối giả vờ thuê xe ô tô biển số 60A-802.12, sau đó làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-802.12 mang tên mình rồi đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Đầu tháng 4 năm 2022, H đi đến garage xe “Huỳnh Sang” địa chỉ tổ D, khu phố H, phường P, TP B, tỉnh Đồng Nai do anh Ngô Trường T1 làm chủ, H nói dối là thuê xe ô tô 05 chỗ tự lái, nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 60A – 802.12 của anh T1 để đi công chuyện, anh T1 đồng ý và giao xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 60A – 802.12 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô phôtô có công chứng cho H. Sau khi thuê được xe ô tô thì H đã sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus lên mạng xã hội liên hệ người có tài khoản tên “ZALO” (không rõ họ tên, địa chỉ) chuyên nhận làm giả các giấy tờ, H cung cấp thông tin cá nhân của mình cùng thông tin đặc điểm xe ô tô đặt làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Hyundai Accent biển số 60A – 802.12 mang tên Huỳnh Thanh H đứng tên chủ sở hữu, với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Đến khoảng 03 ngày sau (không nhớ ngày) tháng 4 năm 2022 thì có một người lái xe ôm (không rõ nhân thân lai lịch) điện thoại cho H nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Hyundai Accent biển số 60A – 802.12 giả mang tên H.

Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Hyundai Accent biển số 60A – 802.12 giả mang tên mình, thì vào ngày (không nhớ) tháng 4 năm 2022 thì H đi đến thuê xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Hyundai Accent biển số 60A – 802.12 thì anh T1 đồng ý cho H thuê. H điều khiển xe ô tô đi đến thành

phố B, tỉnh Lâm Đồng gặp bạn tên **Trần Đức M**, sinh năm 1977, ngụ tại **số H, Đ, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng** liên hệ người cầm xe ô tô với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho **H**. Sau đó, anh **M** liên hệ với anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1987, ngụ tại **thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng**, anh **Q** thấy xe ô tô giấy tờ mang tên **H** nên đồng ý cầm xe ô tô với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau khi cầm cố xe ô tô cho anh **Q** thì khoảng 03 (ba) ngày sau (không nhớ ngày), **H** chuộc lại xe ô tô đem về trả xe cho anh **T1** như hợp đồng để tạo sự tin tưởng. Đến ngày 17/4/2022, **H** tiếp tục giả vờ thuê xe ô tô ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Hyundai Accent biển số 60A – 802.12 của anh **T1**, do tin tưởng nên anh **T1** đồng ý cho **H** thuê xe. Sau khi thuê được xe, **H** điều khiển xe đi đến **thành phố B, tỉnh Lâm Đồng** và dùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent biển số 60A – 802.12 giả mang tên **Huỳnh Thanh H** cầm cho anh **Nguyễn Văn Q** với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), số tiền này **H** đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 26/4/2022, quá thời hạn thuê xe nhưng không thấy **H** trả xe, anh **T1** liên lạc với **H** yêu cầu **H** trả xe thì **H** nói dối với **T1** do điều khiển xe ô tô vi phạm giao thông nên đã bị Cơ quan Công an tạm giữ, anh **T1** kiểm tra định vị xe biết **H** nói dối nên đã yêu cầu **H** đem xe về trả cho mình thì **H** nói đã cầm xe ô tô biển số: 60A-802.12 lấy tiền tiêu xài hết không có khả năng chuộc lại xe. Ngày 27/04/2022, anh **T1** đã đến **Công an phường P** trình báo sự việc. Đến ngày 28/4/2022, **H** đến **Công an phường P** đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, **Công an phường P** hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an thành phố B** để điều tra xử lý. Quá trình điều tra, **Huỳnh Thanh H** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe ô tô biển số 60A- 802.12 nhãn hiệu Hyundai màu trắng, số máy G4LCKF 722767, số khung 41BALN 032802, đây là tài sản thuộc sở hữu của anh **Ngô Trường T1** nên Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại cho anh **T1** là đúng quy định pháp luật.

-01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imel 359173074814643 của **Huỳnh Thanh H** là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 156098 mang tên **Huỳnh Thanh H**, địa chỉ **E, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**, biển số 60A- 802.12, số máy G4LCKF 722767, số khung 41BALN 032802, Cấp ngày 22/6/2022 do **Phòng C Công an tỉnh Đ** cấp.

- 01 (một) giấy cầm đồ viết tay ngày 17/4/2022, bên cầm xe ô tô biển số 60A- 802.12 là **Huỳnh Thanh H**, bên nhận cầm cố **Nguyễn Văn Q**, lưu hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 156/TCKH-HĐĐG ngày 04/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B**, kết luận: “01 (một) xe ô tô biển số 60A- 802.12, có giá trị là 425.600.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)”.

Tại Kết luận giám định số: 1534/KL-KTHS ngày 16/8/2022 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**, kết luận:

“1. Hình dấu tròn Phòng Cảnh sát giao thông - **Công an Tỉnh Đ** trên tài liệu nêu phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Phòng Cảnh sát giao thông - **Công an Tỉnh Đ** trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

“2. Chữ ký mang tên Thiếu tá **Nguyễn Hải D** trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký mang tên Trung tá **Nguyễn Hải D** trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra”.

“3. Mẫu in tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với mẫu in tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một bản in in ra”.

3. Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh **Ngô Trường T1** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn Q** yêu cầu bị cáo **Huỳnh Thanh H** bồi thường số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đến nay **H** chưa bồi thường.

4. Truy tố: Tại Cáo trạng số 607/CT-VKSVC ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo **Huỳnh Thanh H** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 465/2023/HSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh H** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “ sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 28/4/2022. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

6. Kháng cáo: Ngày 18/9/2023, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

7. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với mức hình phạt 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù và tội “ **Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**” với mức án 06 (sáu) tháng tù là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, tổng hợp cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo đã nêu. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận vào khoảng đầu tháng 4 năm 2022, **Huỳnh Thanh H** có hành vi thuê xe ô tô biển số 60A- 802.12 để tự lái, rồi nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, bị cáo lên mạng xã hội cung cấp thông tin cá nhân của mình, thông tin đặc điểm xe ô tô biển số 60A- 802.12 làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A- 802.12 mang tên bị cáo. Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-802.12, ngày 17/04/2022, bị cáo đã có hành vi giả vờ thuê xe ô tô biển số 60A- 802.12 tự lái để đi công chuyện, rồi chiếm đoạt xe ô tô biển số 60A- 802.12, có giá trị tài sản định giá là 425.600.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) của anh **Ngô Trường T1** rồi đem đi cầm cố cho anh **Nguyễn Văn Q** lấy số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiêu xài hết. Đến ngày 28/4/2022, **H** đến **Công an thành phố B** đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho người dân và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương, ngoài ra hành vi của bị cáo còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, xử phạt bị cáo 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3, Điều 174

Bộ luật Hình sự và 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho hai tội 10 (mười) năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo đã nêu. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 465/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh H** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 28/4/2022.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (3)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- ## THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kiều Lương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ký

Hoàng Thị Thu Minh

Đinh Thị Kiều Lương

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (3)
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- VKSND huyện Xuân Lộc
- Công an huyện Xuân Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (5).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Thị Kiều Lương**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ký

Nguyễn Thị Quyên

Đinh Thị Kiều Lương

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- VKSND huyện Xuân Lộc
- Công an huyện Xuân Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.
- Bị cáo (3)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (5).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Thị Kiều Lương**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Đào Nguyễn Thị Lệ Trang Đinh Thị Kiều Lương

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người làm chứng (địa chỉ theo hồ sơ);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Xuân Lộc;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Xuân Lộc.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương

- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự,
Văn phòng và Thẩm phán (4).